

Số: 42/2025/QĐST – DS Vĩnh Long, ngày 25 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – VĨNH LONG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Lanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Hồng.

2. Ông Trần Văn Lập.

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235, 244 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 425/2023/TLST - DS ngày 09 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị N** – sinh năm: 1967.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện theo quyền của bà Phan Thị N là ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1950 (theo văn bản ủy quyền ngày 06/11/2023).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Nay là khóm A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- **Bị đơn:** Anh **Phan Tấn Đ** – sinh năm: 1975.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện theo ủy quyền của anh Phan Tấn Đ là ông **Trần Văn A**, sinh năm: 1961 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/3/2024).

Địa chỉ: ấp P, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Nay là ấp P, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án.**

1/ Ông **Phan Văn T**, sinh năm: 1968.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện theo quyền của ông Phan Văn T là ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1950 (theo văn bản ủy quyền ngày 25/02/2025).

Địa chỉ: khóm A, thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (Nay là khóm A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2/ Chị **Tô Thị L**, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia cho bà Phan Thị N 01 kỷ phần thừa kế có diện tích $32,4m^2$ tại thửa 148 - 2 diện tích chung $81,9m^2$. do cụ Nguyễn Thị Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công nhận cho bà Phan Thị N được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích $32,4m^2$ tại thửa 148 - 2 diện tích chung $81,9m^2$, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2.2. Chia cho anh Phan Tấn Đ 01 kỷ phần thừa kế có diện tích $49,5m^2$ tại thửa 148 - 1 diện tích chung $81,9m^2$ do cụ Nguyễn Thị Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công nhận cho anh Phan Tấn Đ được quyền quản lý sử dụng phần đất có diện tích $49,5m^2$ tại thửa 148 - 1 diện tích chung $81,9m^2$, đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long).

2.3 Chia cho ông Phan Văn T 01 kỷ phần thừa kế nhưng nhận giá trị tương đương phần đất có diện tích $27,3m^2$ tại thửa 148 diện tích chung $81,9m^2$ do cụ Nguyễn Thị Q đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ($27,3m^2 \times 3.000.000đ/m^2 = 81.900.000đ$).

Buộc bà Phan Thị N trả giá trị đất cho ông Phan Văn T số tiền 15.300.000đ (Mười lăm triệu ba trăm nghìn đồng) ($5,1m^2 \times 3.000.000đ/m^2 = 15.300.000đ$).

Buộc anh Phan Tấn Đ trả giá trị đất cho ông Phan Văn T số tiền 66.600.000đ (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) ($22,2m^2 \times 3.000.000đ/m^2 = 66.600.000đ$).

- Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận cho bà Phan Thị N và anh Phan Tấn Đ được đứng tên chung thửa đất số 148 diện tích $81,9m^2$ đất tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (nay là ấp A, xã T, tỉnh Vĩnh Long)

(Kèm theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 19/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh V).

- Các đương sự được quyền đăng ký kê khai biến động đất đai theo quy định của pháp luật.

* Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.419.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười chín nghìn đồng) bà Phan Thị N, ông Phan Văn T và anh Phan Tấn Đ mỗi người phải nộp 1.473.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng). Buộc ông Phan Văn T và anh Phan Tấn Đ mỗi người phải nộp 1.473.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn đồng) để hoàn trả lại cho bà Phan Thị N do đã nộp tạm ứng trước.

- Án phí sơ thẩm:

+ Buộc bà Phan Thị N phải nộp 4.860.000đ (Bốn triệu tám trăm sáu chục nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 850.000đ (T1 trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008481 ngày 09/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Buộc bà Phan Thị N phải nộp thêm số tiền 4.010.000đ (Bốn triệu không trăm mười nghìn đồng).

+ Buộc ông Phan Văn T phải nộp số tiền 4.095.000đ (Bốn triệu không trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

+ Buộc anh Phan Tấn Đ phải nộp số tiền 7.425.000đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 4 – Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Lanh